

Số: 98/KH-UBND

*Phong Thổ, ngày 09 tháng 3 năm 2022*

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững**  
**giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện Kế hoạch số 570/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về xây dựng kế hoạch trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. UBND huyện Phong Thổ xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

**Phần thứ nhất**

**SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

**I. SỰ CẦN THIẾT**

Giảm nghèo bền vững là mục tiêu xuyên suốt, quan trọng hàng đầu của Đảng, Nhà nước ta trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Quan điểm, chủ trương của Đảng về giảm nghèo bền vững đã được thể hiện trong Văn kiện Đại hội Đảng qua nhiều thời kỳ, ngày càng sâu rộng, toàn diện hơn.

Trong thời gian vừa qua, để triển khai các quan điểm, chủ trương của Đảng về giảm nghèo bền vững, Quốc hội đã phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp luôn quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, cùng với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của toàn dân, công tác giảm nghèo đã đạt được triển khai và bước đầu đạt kết quả.

Tuy nhiên, phần lớn người nghèo sinh sống ở vùng nông thôn, thiếu kỹ năng nghề nghiệp, thiếu sinh kế và việc làm, thu nhập không ổn định. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo giai đoạn 2021-2025 còn trên 60%, chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, kinh tế - xã hội chậm phát triển, mức sống của người dân còn thấp; việc chuyển đổi phương thức hỗ trợ từ “cho không” sang hỗ trợ có điều kiện còn chậm, chưa kết nối sản xuất với thị trường; hiệu quả giải quyết đất ở, đất sản xuất, nhà ở cho người nghèo còn thấp. Nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn, người dân có tâm lý trông chờ, ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

Việc đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 là hết sức cần thiết nhằm tiếp tục kế thừa các thành tựu, khắc phục các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của Chương trình giai đoạn 2016-2020, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, hỗ trợ địa bàn

nghèo thoát khỏi tình trạng khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xoá đói, giảm nghèo.

## **II. NHỮNG CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Báo cáo số 49/BC-UBND ngày 04/02/2022 về đánh giá, xác định huyện nghèo huyện Phong Thổ. Công văn 3486/LĐT BXH-VPQGNN ngày 06/10/2021 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về xây dựng Kế hoạch năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025. Nghị quyết số 24/2021/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025

## **III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### **1. Đối tượng:**

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện (Chú trọng hỗ trợ trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ và người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo).

### **2. Phạm vi:**

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 thực hiện trên phạm vi toàn huyện.

### **Phần thứ hai**

## **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016-2020**

### **I. KHÁI QUÁT CHUNG**

#### **1. Đặc điểm chung**

Phong Thổ là huyện vùng cao, biên giới của tỉnh Lai Châu, có diện tích tự nhiên 1.034,60 km<sup>2</sup>; phía đông giáp huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; phía nam giáp huyện Sìn Hồ; phía đông nam giáp huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu; có 97,229 km đường biên giới với 28 vị trí mốc giới và cửa khẩu Quốc tế Ma Lù Thàng. Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp; các ngành: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ lệ thấp. Dân số 81.866 người (dân tộc Kinh là 5.497 người, chiếm 6,77%, còn lại là dân tộc thiểu số), lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 50.118 người (chiếm 61% tổng dân số), trong đó có 49.466 người đang tham gia làm việc trong nền kinh tế quốc dân; tỷ lệ lao động được đào tạo đạt 44,65%, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 22,43%, huyện có 17 đơn vị hành chính trực thuộc gồm: 01 thị trấn Phong Thổ và 16 xã với 171 thôn, bản, tổ dân phố.

#### **2. Đánh giá khái quát tình hình kinh tế - xã hội huyện**

- Sau 5 năm triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn, bộ mặt kinh tế của huyện đã có bước phát triển toàn diện trên tất cả các ngành, lĩnh vực, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực.

+ Tổng giá trị sản xuất đạt 3.644 tỷ đồng, Cơ cấu các ngành kinh tế: Nông, lâm, thủy sản: 23,1% - Công nghiệp, xây dựng: 39,9% - Dịch vụ: 37%. Thu nhập bình quân đầu người 28 triệu đồng/năm.

+ Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; huy động học sinh trong độ tuổi các cấp ra lớp: Mầm non 98,1%, tiểu học 99,9%, trung học cơ sở 95%, trung học phổ thông 30%, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 29,17%.

+ Tổng sản lượng lương thực đạt 35.700 tấn, tốc độ tăng trưởng đàn gia súc giảm 0,15%, tỷ lệ che phủ rừng 43,71%. Thu ngân sách huyện trên địa bàn ước là 73.086 triệu đồng. Có 92,4% số bản có đường ô tô đi đến bản, vượt kế hoạch, có 98,43% số hộ gia đình được sử dụng điện lưới Quốc gia, 100% dân cư đô thị được dùng nước sạch, đạt kế hoạch; 88% dân cư nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

+ Có 76,5% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, mức giảm tỷ lệ sinh bình quân 1,03%/năm, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên 1,32%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4,11%/năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn 53,2%. Có 25% số xã đạt chuẩn về xây dựng nông thôn mới (4 xã).

- Bộ máy chính quyền các cấp được củng cố, kiện toàn; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND, UBND cấp xã có chuyển biến tích cực. Chất lượng đội ngũ cán bộ nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; quan hệ hữu nghị, hợp tác với huyện Kim Bình - Vân Nam - Trung Quốc được duy trì và phát triển.

### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Kinh tế phát triển chưa đồng đều, tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm, chủ yếu sản xuất quy mô nhỏ, sản phẩm hàng hóa chưa nhiều; việc nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả trên địa bàn còn hạn chế. Công tác giảm nghèo chưa bền vững, số hộ cận nghèo, tái nghèo còn cao; công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm chưa đáp ứng yêu cầu.

- Một số ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản phát triển còn chậm, quy mô nhỏ. Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển chưa đồng đều, chủ yếu ở khu vực trung tâm huyện và các xã vùng thấp. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu, chưa đồng bộ. Công tác quản lý sử dụng một số công trình sau đầu tư; quản lý quy hoạch, quản lý đất đai ở một số địa phương, đơn vị còn hạn chế.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục tuy đã được đầu tư song tại một số địa bàn vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng được nhu cầu. Việc duy trì tỷ lệ học sinh chuyên cần cấp trung học cơ sở ở một số xã chưa bền vững, tỷ lệ huy động

học sinh trong độ tuổi cấp trung học phổ thông ra lớp chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Công tác khám chữa bệnh, chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn; tình trạng tảo hôn, tỷ lệ sinh con thứ 3 còn cao.. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở còn thiếu, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng cao, biên giới còn khó khăn.

- Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh ở một số địa phương, đơn vị chưa được chú trọng. Hoạt động phối hợp nắm và báo cáo tình hình ở cơ sở có thời điểm chưa kịp thời. Tình hình an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh mạng còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; tình trạng xuất, nhập cảnh trái phép, một số loại tội phạm về hình sự, ma túy vẫn xảy ra.

- Đường biên giới dài, lao động sang Trung Quốc làm việc chưa được quản lý chặt chẽ, nhiều lao động sang Trung Quốc làm việc dài hạn (vài tháng, 01 năm hoặc nhiều năm mới về) chưa được bảo vệ quyền lợi tối đa, thủ tục để người lao động lưu trú dài hạn còn rườm rà (người lao động chủ yếu sử dụng giấy thông hành để sang bên Trung Quốc, thời hạn lưu trú ngắn).

- Nhiều công ty tuyển lao động không theo quy định về mức phí để đưa lao động đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài (theo thông báo của Cục Việc làm và công văn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh thì tổng kinh phí để đưa 01 lao động đi làm việc theo hợp đồng 03 năm tại thị trường Đài Loan là 89.546.500 đồng, tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện thì công ty lại triển khai tuyển lao động với tổng kinh phí từ 130-152 triệu). Điều này gây khó khăn cho đơn vị quản lý nhà nước ở cấp huyện và cấp xã trong quá trình tuyên truyền, vận động người lao động tham gia xuất khẩu lao động.

## 2.2. Nguyên nhân

- Địa bàn rộng, địa hình phức tạp nên việc tuyên truyền các chế độ, chính sách tới người dân đôi lúc chưa được thường xuyên dẫn đến nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức vươn lên thoát nghèo.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa được liên tục, những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chưa được cấp quản lý cơ sở giải quyết kịp thời.

- Nguồn vốn bố trí hỗ trợ còn thiếu so với nhu cầu thực tế.

- Cơ sở hạ tầng của huyện chậm phát triển; Kinh tế - Xã hội còn ở mức thấp; trình độ dân trí thấp, không đồng đều; tỷ lệ hộ đói nghèo cao; chưa có khu công nghiệp, công ty lớn để tăng cầu lao động trên địa bàn...

- Trình độ và nhận thức của một bộ phận người lao động đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, phong tục tập quán lạc hậu đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiếp thu kinh nghiệm, nhận thức của người dân trong công tác Lao động - Việc làm trên địa bàn.

- Trên địa bàn chưa có khu công nghiệp, các danh nghiệp lớn có nhu cầu về sử dụng nhiều lao động; chỉ có ít doanh nghiệp nhỏ, nhu cầu sử dụng lao

động ít, không đáng kể so với số người lao động trên địa bàn. Do nguồn lao động trên địa bàn phần lớn có trình độ dân trí thấp, chất lượng nguồn nhân lực không cao, chỉ đáp ứng được nguồn lao động phổ thông.

- Là huyện có đường biên giới dài nên tình hình về an ninh chính trị của địa bàn cũng gặp nhiều bất cập. Các tệ nạn, phạm tội xuyên biên giới như trộm cắp, buôn lậu, buôn bán chất cấm, mua bán người .... cũng là mối nguy hiểm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giải quyết việc làm và cả nền kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hoạt động của một số thành viên Ban chỉ đạo cấp xã còn hạn chế, công tác tham mưu kiểm tra, giám sát chưa được thường xuyên. Nguồn kinh phí hỗ trợ sản xuất của chương trình còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế tại địa phương.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Công tác chỉ đạo điều hành**

Tổ chức quán triệt, triển khai chủ trương của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành TW, của tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

- Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 về việc thành lập Ban chỉ đạo huyện thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020

- Quyết định số: 384/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ về việc phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới năm 2017; nguồn vốn sự nghiệp 2017; nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh năm 2016 chuyển nguồn sang năm 2017.

- Quyết định số: 574/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ về việc phân bổ vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (30a, 135) năm 2017.

- Quyết định số 4389/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ về việc phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018.

- Công văn số 583/UBND-DT ngày 14/5/2018 của UBND huyện Phong Thổ về việc đăng ký danh mục hỗ trợ phát triển sản xuất, duy tu bảo dưỡng công trình năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

- Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND huyện Phong Thổ về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững kết dư ngân sách huyện năm 2017 cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phong Thổ;

- Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND huyện Phong Thổ về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững kết dư ngân sách huyện năm 2017 cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phong Thổ;

- Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ V/v phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018 và bổ sung kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018;

- Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND huyện Phong Thổ về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG GNBV năm 2019;

Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND huyện Phong Thổ về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương thực hiện các chương trình MTQG năm 2019;

- Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu và chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019;

- Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2020;

- Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020.

- Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 UBND huyện Phong Thổ V/v phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp thực hiện dự án 2 (Chương trình 135) thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020;

- Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 UBND huyện Phong Thổ V/v phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển Chương trình MTQG GNBV bền vững năm 2020 (đợt 2);

- Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 UBND huyện Phong Thổ V/v phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển Chương trình MTQG GNBV năm 2020 (đợt 3).

## **2. Kết quả thực hiện**

Tổng nguồn vốn Trung ương phân bổ thực hiện Chương trình 30a giai đoạn 2016-2020 là 344.763 triệu đồng; Trong đó

Nguồn vốn đầu tư: 257.051 triệu đồng

Vốn sự nghiệp: 74.748 triệu đồng

Vốn duy tu bảo dưỡng: 12.964 triệu đồng

Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư: Đã thực hiện đầu tư 31 dự án. Trong đó có 21 dự án giao thông, 10 dự án thủy lợi.

- Vốn sự nghiệp: Đã thực hiện hỗ trợ 68 dự án trồng cây ăn quả, nuôi lợn nái sinh sản.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Mặt được**

- Nghị quyết 30a của Chính phủ triển khai đã huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị với ý thức và tinh thần trách nhiệm cao; thông qua triển khai thực hiện Nghị quyết các cấp chính quyền nhận thức rõ hơn về những giải pháp để thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững của địa phương mình; cân đối lại nguồn lực đầu tư của Nhà nước tổ chức lồng ghép, phối hợp thực hiện hiệu quả hơn các chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn.

- Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các cơ chế, chính sách theo Nghị quyết 30a của Chính phủ nên đã tạo thuận lợi cho địa phương tổ chức thực hiện đúng những quy định về quản lý đầu tư xây dựng và chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Các cấp, các ngành từ huyện đến xã theo sự phân công đã triển khai thực hiện các kế hoạch, chính sách, dự án của Chương trình đạt mục tiêu của Đề án. Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, đoàn thể nên tạo được sự tác động qua lại góp phần thực hiện có kết quả những nội dung của Đề án giảm nghèo đã được UBND Tỉnh phê duyệt.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp để thực hiện Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ giao hàng năm đã được UBND tỉnh tổ chức phân bổ sớm, và có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời nên đã tạo thuận lợi cho địa phương chủ động triển khai thực hiện.

#### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Công tác tuyên truyền, thông tin, quán triệt và nhận thức Nghị quyết 30a có thời điểm chưa thống nhất, chưa sâu rộng, tổ chức chỉ đạo thực hiện chưa thật sự quyết liệt. cán bộ một số xã trình độ chưa đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ, tiếp thu các chủ trương chính sách, biện pháp giảm nghèo nhanh và bền vững để hướng dẫn lại cho dân còn hạn chế.

- Nhận thức và trách nhiệm đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể của các xã đặc biệt khó khăn, xã có đông hộ đồng bào DTTS sinh sống chưa sâu sắc, toàn diện; công tác phối hợp chỉ đạo điều hành chưa nhất quán, còn lúng túng. Bản thân các hộ nghèo, hộ nghèo đồng bào DTTS còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn hỗ trợ của Nhà nước.

- Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện tuy đã giảm nhưng vẫn chiếm mức cao, gây khó khăn cho địa phương trong việc giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm. Hộ nghèo lười làm, không phấn đấu vượt nghèo; tư tưởng không muốn ra khỏi danh sách xã ĐBKK.

- Sự phối hợp, huy động và lồng ghép các chương trình, dự án và nguồn lực chưa nhiều, chưa khai thác được nội lực để thực hiện có hiệu quả chương trình, dự án tại địa phương. Nguồn lực đầu tư trực tiếp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện theo Nghị quyết 30a/NQ-CP của Chính phủ còn hạn chế. Đặc biệt là nguồn kinh phí sự nghiệp để triển khai thực hiện các chính sách theo Nghị quyết 30a Chính phủ phân bổ còn ở mức thấp nên chưa đáp ứng nhu cầu cho hộ nghèo.

- Hậu quả thiên tai, mưa lũ, sạt lở thường xuyên xảy ra đã gây thiệt hại rất lớn tới các công trình phúc lợi, đường giao thông, nhà ở hoa màu và đất canh tác... trên địa bàn các xã. Đây là những thách thức rất lớn đặt ra đối với các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết 30a của Chính phủ.

- Tình trạng thiếu việc làm và tỷ lệ sử dụng thời gian làm việc ở nông thôn còn thấp, công tác giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động gặp nhiều khó khăn vì tâm lý người lao động là đồng bào DTTS ít muốn đi làm ăn xa nhà, xa địa phương.

### **3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

- Việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện chính sách giảm nghèo ở một số xã còn nhiều hạn chế. Cấp ủy đảng và chính quyền cấp xã ở nhiều nơi còn chưa sâu sát thực tế, chưa nắm bắt được đầy đủ tâm tư, nguyện vọng của đồng bào; Trình độ, năng lực một số cán bộ xã còn yếu chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Khả năng vận dụng các văn bản hướng dẫn của các cấp, các ngành vào công việc của trí thức trẻ còn hạn chế, khả năng xử lý công việc thiếu linh hoạt, kết quả công việc chưa cao, chưa thực sự tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ tại cơ sở.

- Công tác giảm nghèo là lĩnh vực nhạy cảm, khó khăn, phức tạp. Trên 93% là đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống ở khu vực đặc biệt khó khăn, địa hình chia cắt mạnh, giao thông đi lại khó khăn, thời tiết diễn biến phức tạp, đói nghèo chiếm tỷ lệ cao nên việc triển khai, thực hiện chính sách đến người dân gặp nhiều khó khăn.

- Trình độ dân trí không đồng đều, một bộ phận người dân còn trông chờ ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt... gây khó khăn trong triển khai các chương trình.

- Trình độ áp dụng KHKT vào sản xuất và khả năng đầu tư thâm canh của nông dân còn hạn chế.

### **Phần thứ ba**

## **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

### **I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN**

#### **a. Thuận lợi**

Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình kịp thời, sát thực tế địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh cụ thể hóa văn bản hướng dẫn triển khai

thực hiện. Trong quá trình thực hiện các quy trình huyện luôn được sự giúp đỡ, hướng dẫn cơ quan chuyên môn của tỉnh. Chủ trương chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được triển khai, tạo sự phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo cho các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện Phong Thổ được tiếp cận với các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, cải thiện dịch vụ xã hội trong sinh hoạt, đời sống, dần thoát nghèo vươn lên.

### **b. Khó khăn**

- Là huyện nghèo, ngân sách chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách cấp trên, thiếu vốn đầu tư, cơ sở hạ tầng còn nhiều khó khăn, giao thông đi lại khó khăn.

- Tình hình biến đổi khí hậu gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan như: mưa lớn gây lũ quét, sạt lở đất trong những năm qua gây thiệt hại tài sản, cây cối, hoa màu của nhân dân và ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân trên địa bàn huyện.

- Địa hình núi cao, chia cắt, độ dốc lớn, đường biên giới dài, dân cư phân tán, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhưng chưa bền vững; trình độ dân trí chưa đồng đều, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước vẫn còn tồn tại ở một bộ phận Nhân dân; sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để thực hiện các hoạt động chống phá, ảnh hưởng đến việc giữ gìn và củng cố khối đoàn kết các dân tộc, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

## **II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO**

Tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp và sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, lồng ghép với chương trình Dự án Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc Hội; đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư và người nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo; tạo điều kiện cho các hộ nghèo tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để vươn lên thoát nghèo; tích cực thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo hiện hành như: Đầu tư hạ tầng; hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ y tế, giáo dục, khuyến nông-khuyến lâm, hỗ trợ sản xuất...

## **III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm 4-5%/năm, trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm

- Hỗ trợ xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm tốt, có thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo

- Hỗ trợ người nghèo; người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn nâng cao năng lực sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp

- Phát triển đồng bộ giáo dục nghề nghiệp ở vùng nghèo, vùng khó khăn cả về quy mô và chất lượng đào tạo; hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững, tạo sinh kế, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nghèo; góp phần hạn chế người dân rơi vào tình trạng đói nghèo, tái nghèo và giảm nghèo bền vững;

- Kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phát triển thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động thuộc các vùng nghèo, vùng khó khăn; hỗ trợ cho người lao động sinh sống trên địa bàn nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Phát triển hệ thống thông tin, viễn thông phục vụ cộng đồng, tăng cường cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, người nghèo có nhu cầu tiếp cận, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông phổ cập;

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn;

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo tự xác định được tình trạng nghèo của hộ gia đình, kết nối với thị trường và nâng cao nhận thức, năng lực vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no.

### **3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025**

- Phấn đấu giảm 1/2 số hộ nghèo, hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều.

- 100% xã được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, công trình thủy lợi, cầu, hạ tầng điện.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Phân đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Đào tạo nghề cho khoảng 6.000 lao động. Hỗ trợ khoảng 250 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi và từ 6-16 tuổi xuống dưới 28% và dưới 20%.

- Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%.

- Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động trên địa bàn huyện qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- 50% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà ở được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà ở; cơ bản xóa nhà tạm, nhà đơn sơ, thiếu kiên cố đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

- 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

#### **IV. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

##### **1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội**

- Hoạt động 01: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu trên địa bàn huyện (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) liên kết vùng phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa, gồm:

+ Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia.

+ Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia.

+ Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh.

+ Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân.

+ Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất.

+ Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao.

- Hoạt động 02: Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

## **V. TỔNG MỨC VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Tổng vốn: 659.106 triệu đồng. Trong đó chia ra: Ngân sách TW 565.290 triệu. Ngân sách địa phương 45.286 triệu. Nguồn vốn khác 48.030 triệu.

Cụ thể theo từng dự án:

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện: 326.250 triệu. Trong đó: Nguồn vốn trung ương: 316.250 triệu, Ngân vốn địa phương: 10.000 triệu.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: 20.000 triệu, trong đó: Nguồn vốn trung ương: 17.600 triệu. Nguồn vốn địa phương: 1.200 triệu. Nguồn huy động khác: 1.200 triệu.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

3.1. Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất: 32.000 triệu, trong đó: Nguồn vốn trung ương: 17.280 triệu. 5.120 triệu. Nguồn huy động khác 9.600 triệu.

Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng: 9.112 triệu, trong đó: Nguồn vốn trung ương: 4.556 triệu. Nguồn vốn địa phương: 4.556 triệu.

Các dự án còn lại, UBND tổ chức triển khai rà soát, lập kế hoạch vốn khoảng: 271.744 triệu, trong đó: Nguồn trung ương: 209.604 triệu. Nguồn vốn địa phương: 24.410 triệu. Nguồn huy động khác: 37.730 triệu.

*(có biểu chi tiết kèm theo)*

## **VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Để tiếp tục phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo, cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, bảo đảm thu nhập bình quân đầu người

của hộ nghèo và thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo, thời gian tới, cần tập trung vào các giải pháp sau:

*Một là*, đẩy mạnh tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và trong nhân dân về tiêu chí tiếp cận nghèo đa chiều, mục tiêu GNBV; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo, vươn lên. Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo; hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên cho các dịch vụ thuộc nội dung giảm nghèo đa chiều như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin; phát triển hạ tầng.

*Hai là*, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp xã, huyện. Gắn kết thực hiện các CTMTQG với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường phân cấp cho cơ sở, tạo cho cơ sở chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành quản lý hoạt động của các chương trình.

*Ba là*, thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện CTMTQG GNBV giai đoạn 2021 - 2025, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và sự tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

*Bốn là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, để kịp thời khắc phục những hạn chế, phát huy những điểm mạnh, lợi thế để CTMTQG về GNBV đạt được hiệu quả tốt nhất.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện** (Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025)

Chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan, ban, ngành liên quan xác định đối tượng hỗ trợ; tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo trong toàn huyện; thực hiện chính sách dạy nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, hỗ trợ các đối tượng trợ giúp xã hội; chủ trì phối hợp cùng các ngành liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững; hướng dẫn thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá. Hướng dẫn và đôn đốc các ngành thực hiện chế độ báo cáo định kỳ các chính sách thuộc lĩnh vực ngành quản lý, tổng hợp báo cáo UBND huyện.

### **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện**

Tham mưu phân bổ nguồn lực giảm nghèo; kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện cơ chế quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia của các xã, thị trấn gắn với việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo, hướng dẫn và giám sát chi tiêu tài chính.

### **3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện**

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng thu nhập đối với hộ nghèo trên địa bàn huyện. Triển khai tập huấn khuyến nông, khuyến lâm, hỗ trợ mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, mô hình sản xuất chuyên canh tập trung theo chuỗi giá trị hàng hóa cho hộ nghèo. Nhân rộng mô hình đầu tư sản xuất; thực hiện quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn các xã theo tiêu chí nông thôn mới; hướng dẫn chỉ đạo ưu tiên nguồn lực từ chương trình xây dựng nông thôn mới.

### **4. Trung tâm Y tế huyện**

Tham mưu và trực tiếp chỉ đạo chính sách hỗ trợ người nghèo trong khám chữa bệnh; tăng cường các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi trong việc tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng,

### **5. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện**

Chủ trì, phối hợp cùng các ngành liên quan tổ chức, thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên con hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc ít người trên địa bàn huyện trong giáo dục, đào tạo.

### **6. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện**

Chủ trì hướng dẫn chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

### **7. Phòng Văn hóa và Thông tin; Trung tâm Văn hóa-Thể thao-Truyền thông**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ: Chủ trì phối hợp cùng các ngành liên quan triển khai dự án giảm nghèo về thông tin, hỗ trợ hộ nghèo, người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa tiếp cận thông tin và truyền thông.

### **8. Ngân hàng Chính sách xã hội**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng thuộc diện thụ hưởng chính sách được tiếp cận, vay vốn ưu đãi theo quy định.

### **9. Ban Quản lý dự án huyện**

Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện.

### **10. Các cơ quan, ban, ngành khác của huyện**

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp tham gia tổ chức thực hiện các chính sách, dự án chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn, giai đoạn 2021-2025.

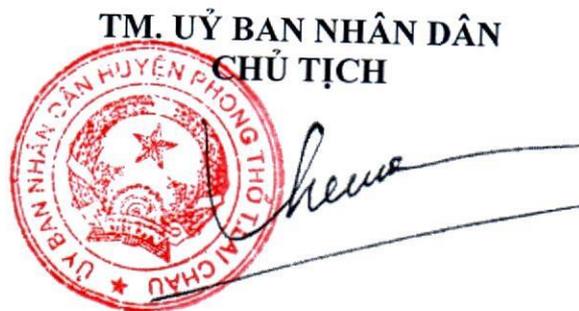
### **11. UBND các xã, thị trấn**

Xây dựng mục tiêu, kế hoạch và biện pháp giảm nghèo trên địa bàn trên cơ sở nghị quyết giảm nghèo của huyện, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của xã, Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã, thị trấn. Hằng năm tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ mới thoát nghèo; qua đó xây dựng chỉ tiêu kế hoạch hộ thoát nghèo cụ thể trong năm.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của UBND huyện Phong Thổ./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Lao động - TB&XH tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



**Vương Thế Mẫn**